TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18/2023/HNGĐ - ST
Ngày 12-5-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc;

2. Bà Vanh Si Tha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 392/2022/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2022 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ch, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Số 344, ấp VC, xã VG, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 09, ấp ÔTS, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, bà Ch có mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Trịnh Thị Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông H được hình thành là do mai mối, được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2007, hôn nhân có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã LP, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 78 ngày 06/8/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha, mẹ chồng tại ấp ÔTS, xã LP. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không chung thủy từ lúc bà sinh con thứ 2, mặc dù gia

đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H không thay đổi. Từ đó bà bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cùng 2 con và ly thân với ông H khoảng 9 năm nay. Trong thời gian ly thân, gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông H.

Về quan hệ con chung: Bà với ông H có 02 con chung tên Hồ Văn Bảo D, sinh ngày 24/6/2008 và Hồ Văn Bảo T, sinh ngày 17/8/2014. Hiện 02 con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông H không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông H không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ ông Hồ Văn H để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà Ch bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà Ch – ông H chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Hùng quen biết với người khác, bỏ bê vợ con và ly thân đã lâu, gia đình có hàn gắn nhưng không thành nên bà Ch xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, bà Ch yêu cầu nuôi, theo ý nguyện của 02 cháu, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Ch. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà Ch khởi kiện ly hôn với ông H, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông H có địa chỉ cư trú tại xã LP, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Ông Hùng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ch – ông H kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số số 78 ngày 06/08/2012, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Ch bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông H quen biết và chung sống với người phụ nữ khác rồi bỏ bê vợ con... bà và ông H ly thân đã lâu, gia đình đứng ra hàn gắn nhưng không thành.

Qua trình bày của bà Ch, mặc dù ông Hùng vắng mặt, nhưng tại biên bản xác minh vào ngày 22/3/2023 của Tòa án thể hiện: Hôn nhân giữa bà Ch – ông H được hình thành là do mai mối, hai người không có thời gian tìm hiểu nhau, nên khi về chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bởi do ông H có quen biết với người phụ nữ khác và đã bỏ đi theo người phụ nữ đó, rồi ly thân với bà Ch từ hơn 09 năm nay, nay khả năng đoàn tụ chung sống lại với nhau là không thể…

Với chứng cứ thu thập vừa nêu, xét mâu thuẫn giữa bà Ch – ông H đã thật sự trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ch.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, 02 cháu Hồ Văn Bảo D và Hồ Văn Bảo T từ trước nay do bà Ch nuôi dưỡng, tình cảm giữa cháu D, cháu T với bà Ch đã thật sự gắn bó, ý nguyện của 02 cháu sau khi cha mẹ ly hôn xin được tiếp tục chung sống với mẹ. Để không xáo trộn về tâm sinh lý của hai cháu cũng như tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên chấp nhận giao cháu D, cháu T cho bà Ch tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

HĐXX cũng giải thích cho bà Ch biết: Trong thời gian nuôi con, bà Ch cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại Tòa bà Ch không yêu cầu, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà Ch khai bà với ông H không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do ông H vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cặp ở phần quyết định. Nếu sau này ông H có chứng cứ khác chứng minh có tài san chung, có nợ chung và ông H có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí*: Bà Ch là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thị Ch.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ch được ly hôn với ông Hồ Văn H.

Về quan hệ con chung: Bà Trịnh Thị Ch tiếp tục nuôi 02 con chung tên Hồ Văn Bảo D, sinh ngày 24/6/2008 và Hồ Văn Bảo T, sinh ngày 17/8/2014.

Công nhận tự nguyện của bà Trịnh Thị Ch không yêu cầu ông Hồ Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Ch cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Trịnh Thị Chuyền phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009770 ngày 01/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà Chuyền nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/5/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã Lương Phi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ